

Mối quan hệ chi phí quốc gia Việt Nam và Việt Nam đóng vai trò cực kỳ quan trọng trong chính sách của Việt Nam về Biên độ. Việt Nam và Việt Nam đã cao việc tuân thủ luật pháp quốc tế, trong đó có UNCLOS, tôn trọng các tiến trình ngoại giao và pháp lý, giải quyết tranh chấp bằng biện pháp hòa bình trên cơ sở luật pháp quốc tế.



Vị trí địa chi phí, chính trị, quân sự của Biên độ ngày càng trở nên quan trọng đối với các nước lớn, đặc biệt là trên các góc độ địa bàn ảnh hưởng, các hợp tác phát triển và công cụ kiểm soát chi phí. Song, khu vực Biên độ cũng tồn tại tranh chấp quy định, quy định quy định và quy định tài phán địa giải quyết tranh chấp. Do đó, Biên độ luôn là điểm nóng của khu vực và thế giới, dù công nghệ các mục khác nhau tùy từng thời điểm.

Việt Nam là một công quốc đang trỗi dậy và ngày càng có ảnh hưởng lớn ở khu vực. Trong bối cảnh thế giới hiện nay, các nhà khoa học, hoạch định chính sách đang quan tâm đến những động thái và chính sách và quan điểm của Việt Nam đối với vấn đề Biên phòng. Câu hỏi đặt ra là Việt Nam nhìn nhận Biên phòng ra sao, chính sách của Việt Nam tác động như thế nào đến tình hình chính trị của khu vực và trên thế giới? Trong phạm vi bài viết này tác giả sẽ cố gắng trả lời cho câu hỏi đó, tập trung vào ba nội dung chính: (i) quan điểm của Việt Nam trong vấn đề Biên phòng; (ii) Tầm quan trọng của Biên phòng trong chính sách Việt Nam; và (iii) Chính sách hàng không của Việt Nam. Bài có cấu trúc logic đáng, bài viết đã sử dụng cách tiếp cận duy vật biện chứng, phân tích và luận giải sâu sắc trong bối cảnh tình hình chính trị khu vực và quốc tế và tính tiếp nối của lịch sử, đảm bảo tính thời gian, tính logic, khoa học và hệ thống. Bên cạnh đó, tác giả còn sử dụng các kiến thức khu vực học và quốc tế học để phân tích sâu quan điểm của Việt Nam đối với vấn đề Biên phòng.

Biên phòng trong toan tính chi phí lữ hành của Việt Nam

Biên phòng nằm ở giữa tuyến đường hàng hải trải dài từ Đông Nam Á đến Tây Thái Bình Dương, có vai trò đặc biệt quan trọng đối với các quốc gia trong và ngoài khu vực trong phát triển kinh tế và quốc phòng - an ninh. Tầm quan trọng của Biên phòng được thể hiện ở các góc độ kinh tế, chính trị và quân sự.

Vị trí địa lý kinh tế: Biên phòng là một trong số 10 tuyến đường hàng hải lớn nhất thế giới. Giao thông ở khu vực Biên phòng nhận được hàng 2 thế giới chỉ sau Ấn Độ và Trung Quốc. Hàng ngày, có khoảng 200 - 300 tàu chở 5.000 tấn trở lên qua lại, chở hàng đến các tàu đi 5.000 tấn, chiếm 1/4 lưu lượng tàu hoạt động trên biển của thế giới. Khu vực Biên phòng án ngữ các tuyến đường hàng hải và hàng không huyết mạch của các nền kinh tế quan trọng ở khu vực và thế giới, chuyên chở 1/2 số lượng dầu thô và các sản phẩm hàng hóa khác của toàn cầu. [

[1\]](#)

Ngoài ra Biên phòng cũng sở hữu nhiều nguồn tài nguyên quý hiếm, đặc biệt là nguồn tài nguyên dầu khí và khí đốt. Đây cũng là một trong những nhân tố dẫn đến tình trạng tranh chấp chủ quyền, quyền chủ quyền và quyền tài phán ở một số vùng biển đảo, đồng thời một số nguồn lớn mùn gây phạm vi ảnh hưởng ở khu vực Biên phòng.

Về chính trị, quốc phòng và an ninh: Biên phòng là điểm nóng quan trọng của khu vực, nơi tập trung nhiều lớp mâu thuẫn cả về chính trị lẫn kinh tế, quốc phòng - an ninh. Thực tế cho thấy, Biên phòng đã diễn ra các tranh chấp về chủ quyền biên giới quốc tế, phức tạp nhất của thế giới và khu vực, nhưng tranh chấp đó khó giải quyết do còn tồn tại những bất đồng, mâu thuẫn giữa các quốc gia hữu quan về chủ quyền và cách thức giải quyết tranh chấp. Bên cạnh đó, vị trí của Biên phòng có liên quan đến nền kinh tế, quốc phòng của nhiều quốc gia, kể cả nước có chủ quyền và không có chủ quyền, cũng như các nước trong và ngoài khu vực.

Mặc dù không trực tiếp liên quan và không tuyên bố chủ quyền đối với vùng biên giới tranh chấp ở Biên phòng, nhưng Ấn Độ đang ngày càng được công nhận là *một bên trong cán cân quyền lực* ở vùng biên này.

[\[2\]](#)

Mặc dù Ấn Độ không phải là nước ở khu vực Biên phòng nên không có các bãi biển hay hải đảo, hoặc các căn cứ và những thế mạnh tại khu vực, Ấn Độ lại là một cường quốc ngoài khu vực có các hoạt động và tác động đối với khu vực thông qua việc thường xuyên triển khai hải quân, các chuyên thám và tập trận trong vùng biên này, thông qua quan hệ đối tác chiến lược quân sự được thiết lập và đang phát triển với nhiều quốc gia ven Biên phòng, thông qua việc tham gia thám dò dầu mỏ trong vùng biên này, và thông qua các cuộc thảo luận ngoại giao ở nhiều diễn đàn khu vực với các nước ngoài khu vực khác và với Ấn Độ.

[\[3\]](#)

. Theo quan điểm này, lợi ích của Ấn Độ ở Biên phòng có một *tầm vóc chiến lược* rõ ràng.

[\[4\]](#)

Các yếu tố liên kết Biên phòng với chiến lược của Ấn Độ gồm hai khái niệm căn bản: đầu tiên là khái niệm *láng giềng mở rộng*, và Ấn Độ *Dòng - Thái Bình Dương*.

Trong đó, khái niệm về

láng giềng mở rộng

xuất hiện lần đầu tiên trong kho tàng chính sách của Ấn Độ vào năm 2000, dùng để chỉ các vùng địa lý bên ngoài Nam Á, khu vực mà Ấn Độ nhận thấy có những lợi ích nước này cần đạt được, duy trì và bảo vệ. Khi liên kết Biên phòng với khái niệm

láng giềng mở rộng

của Ấn Độ vào năm 2004, Ngoại trưởng Ấn Độ lúc đó là Yashwant Sinha đã xác định rõ ràng rằng, đó là

khu vực trải dài từ kênh đào Suez tới Biên phòng, bao gồm Tây Á, Vùng Vịnh, Trung Á, Đông Nam Á, Đông Á, châu Á - Thái Bình Dương và khu vực Ấn Độ Dương

. Còn khi đề cập đến khuôn khổ khái niệm

Ấn Độ Dòng - Thái Bình Dương

, Biện động có liên quan trực tiếp với những tính toán chi phí quốc gia, do vùng biên này nằm ở giữa tuyến đường hàng hải dài từ Đông Ấn Đông đến Tây Thái Bình Dương. Theo quan điểm này, lợi ích chính của Ấn trong khu vực Ấn Đông - Thái Bình Dương là ngăn chặn sự quy tụ đoàn của Trung Quốc ở Ấn Đông nhằm duy trì tự do hàng hải. Chính mối liên hệ chi phí quốc gia với tranh chấp Biện động này đã mở đường cho việc tăng cường vai trò của Ấn trong khu vực Đông Nam Á và châu Á - Thái Bình Dương.

Năm 2012, trong tuyên bố về khuôn khổ chi phí quốc gia Ấn Đông - Thái Bình Dương [5], Thủ tướng Ấn Độ, Manmohan Singh đã nêu rõ: "Các thỏa thuận Ấn Độ - ASEAN đã bắt đầu với sự tập trung mạnh mẽ vào kinh tế, những nội dung của nó cũng đang ngày càng mang tính chi phí quốc gia, và một khu vực Ấn Đông - Thái Bình Dương ổn định, an toàn và thịnh vượng là rất quan trọng đối với sự thịnh vượng và thịnh vượng của chúng ta." [6] Do đó, theo hai khái niệm của biên này, Biện động được xác định là một khu vực có lợi ích chi phí quốc gia đối với Ấn Độ, mặc dù nội dung này không trực tiếp liên quan đến tranh chấp chủ quyền và không tuyên bố chủ quyền đối với khu vực Biện động.

Lợi ích địa chính trị và địa kinh tế của Biện động đối với Ấn Độ hiện rõ qua sự can dự của Ấn Độ ở Biện động trên hai khía cạnh sau:

Thứ nhất, giống như các bên khác trong khu vực châu Á - Thái Bình Dương, lợi ích chi phí quốc gia của Ấn Độ ở Biện động là địa chính trị, trong đó có liên quan đến an ninh hàng hải. Theo quan điểm này, việc Trung Quốc dần phong tỏa chủ quyền đối với các đảo và vùng lãnh thổ ở Biện động đã đe dọa trực tiếp đối với tự do hàng hải và hoạt động khai thác tài nguyên của các quốc gia có chủ quyền khác trong khu vực. Ngoài ra, các hành động của Trung Quốc trực tiếp thách thức nguyên tắc, tình hình hòa bình và ổn định của khu vực. Do lợi ích địa chính trị của Ấn Độ liên quan tới vùng biên dài giữa Ấn Độ và Tây Thái Bình Dương, nên việc đi lợi an toàn qua các vùng biên ở Biện động nằm giữa hai khu vực này trở thành lợi ích chi phí quốc gia quan trọng đối với Ấn Độ. Bởi vậy, sự can dự liên tục của Ấn Độ ở Biện động là cách thức ngăn chặn sự hiện diện ngày càng tăng của Trung Quốc ở Ấn Đông.

Thứ hai, Biện động chiếm vị trí trung tâm trong lợi ích địa kinh tế của Ấn Độ, dựa trên các lợi ích chi phí quốc gia hai mặt của Ấn Độ: (i) Thông qua các hiệp định thương mại với các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN) và các quốc gia Đông Á; (ii) Nguồn cung năng lượng cho Ấn Độ như dầu mỏ và khí đốt tự nhiên từ các mỏ nằm ở Biện

ông. Cả hai yếu tố này đóng vai trò chiến lược trong chính sách đối ngoại của Ấn Độ. Có tới gần 92-95% hàng hóa thương mại của Ấn Độ đi qua Ấn Độ Dương, khoảng 55% đi qua eo biển Malacca. Hơn nữa, nhằm đáp ứng nhu cầu năng lượng tăng cao, Ấn Độ đã đa dạng hóa chuỗi cung ứng năng lượng của nước này. 70% lượng dầu mỏ nhập khẩu của Ấn Độ được vận chuyển bằng đường biển. Vì vậy, Biên phòng đã trở thành *một phần không thể tách rời của vành đai an ninh của Ấn Độ*, đóng vai trò quyết định đối với *ngoại thương, năng lượng và lợi ích quốc gia.*

[\[7\]](#)

Vai trò của Biên phòng trong chính sách Hành động Hàng không

Đổi mới chính quyền mới của Thủ tướng Narendra Modi, Chính sách hàng không vận có tầm lâu của Ấn Độ với 10 nước thành viên ASEAN đã phát triển thành Chính sách Hành động Hàng không - AEP và mang tính chủ động hơn. Chính sách này được tuyên bố tại Hội nghị Thương mại Đông Á tại Myanmar tháng 5/2014. [\[8\]](#) Chính sách này vạch kế hoạch thúc đẩy mạnh mẽ quan hệ hợp tác toàn diện giữa hai các tầng trình của một châu Á năng động. Trong khuôn khổ Hành động hàng không, quan hệ đa chiều giữa Ấn Độ với ASEAN đã được tiếp thêm sức mạnh và động lực hơn. Điều này đóng vai trò quan trọng trong bối cảnh có những thay đổi nhanh chóng về địa chính trị: sự nổi lên nhanh chóng và mạnh mẽ của Trung Quốc trên bàn cờ chính trị thế giới và việc Bắc Kinh từng công nhận tranh chấp tại Biển Đông, dẫn tới sự thay đổi liên tục cấu trúc chính trị ở châu Á - Thái Bình Dương. Chiến lược của Mỹ về tái cân bằng tại châu Á, Chiến lược

Chuỗi kim cương an ninh dân chủ

của Nhật Bản, và

Con đường tơ lụa trên biển

của Trung Quốc, tất cả đều mang tham vọng chính trị và chiến lược liên nhóm định hình cấu trúc khu vực theo cách riêng của họ. Trong bối cảnh đó, sự tham gia của Ấn Độ trong việc định hình cấu trúc an ninh khu vực đóng vai trò then chốt.

[\[9\]](#)

Một trong những thay đổi chính trong chính sách Hành động Hàng không của Ấn Độ được phản ánh trong vận động Biên phòng. Nghĩa là, với yêu sách gây tranh cãi của Trung Quốc đối với phần lớn Biển Đông, Ấn Độ đã khẳng định rõ ràng lập trường nguyên tắc của mình về tự do hàng hải, an ninh hàng hải, và giải quyết nhanh chóng các tranh chấp theo quy định của luật pháp quốc tế, Công ước Liên hợp quốc về Luật Biển năm 1982, phát triển một bộ quy tắc ứng xử, và giải quyết tranh chấp chủ quyền, quyền chủ quyền, quyền tài phán trên các vùng biển đảo thông qua đối thoại và các biện pháp hòa bình.

[\[10\]](#)

Vì những lợi ích chiến lược này, việc bảo vệ an ninh hàng hải và bảo đảm tự do hàng hải ở Biển Đông có tầm quan trọng liên đới với Ấn Độ. Ấn Độ ở Biển Đông

đồng đề cập trực tiếp trong chính sách Hành động Hàng không của Ấn Độ [\[11\]](#)

Hội nghị cấp cao An ninh châu Á – hay còn gọi là Hội thảo Shangri-La lần thứ 17, với bài phát biểu dạn dặt của Thủ tướng Ấn Độ Narendra Modi với tầm nhìn cho khu vực Ấn Độ-Thái Bình Dương. Lần đầu tiên phát biểu tại Diễn đàn này, Thủ tướng Ấn Độ thể hiện chủ trương nhất quán

Hành động Hàng không

và chiến lược Ấn Độ - Thái Bình Dương mà quốc gia này đang theo đuổi. Trước các nhà hoạch định chính sách an ninh khu vực, đặc biệt là Bộ trưởng Quốc phòng các nước, Thủ tướng Narendra Modi đã đưa ra tầm nhìn của Ấn Độ về cấu trúc an ninh khu vực, theo đó thúc đẩy đối thoại để giải quyết các thách thức an ninh đang nổi lên. Có thể Thủ tướng Modi khẳng định rõ vai trò của Ấn Độ tại các diễn đàn quan trọng như Hội nghị thượng đỉnh ASEAN-Ấn Độ, Diễn đàn Đông Á, Diễn đàn khu vực ASEAN và Cuộc họp Bộ trưởng Quốc phòng ASEAN mở rộng. Với mọi Thủ tướng Ấn Độ phát biểu dạn dặt Hội thảo Shangri-La năm nay được cho là một lựa chọn mang tính chiến lược, đặc biệt trong bối cảnh nhiều quốc gia lớn thời gian qua liên tục nhận mệnh lệnh tầm nhìn chiến lược Ấn Độ- Thái Bình Dương.

Có thể nói kể từ khi lên nắm quyền, Thủ tướng Ấn Độ Narendra Modi đã có những bước đi tích cực nhằm gia tăng vai trò an ninh và chính trị của nước này tại khu vực châu Á-Thái Bình Dương, khi tăng bước mở rộng ảnh hưởng kinh tế và chiến lược thông qua chính sách

Hành động hàng không

Trong định hướng chung gia tăng sự can dự với các nước Đông Á và Đông Nam Á, các mục tiêu chiến lược của Ấn Độ là đóng vai trò công quốc bên ngoài khu vực Đông Nam Á dựa trên mục tiêu kép: (i) tham vọng của Ấn Độ trở thành công quốc nổi bật ở Đông Bắc Ấn Độ, tập trung vào Vịnh Bengal và Biển Andaman, tại đây Ấn Độ đóng vai trò nhân tố phòng vệ chủ chốt nhằm chống các mối đe dọa tiềm tàng ở quần đảo Đông Nam Á; (ii) mục tiêu lớn hơn là nhằm đảm nhận vai trò chiến lược lớn hơn trong khu vực Đông Nam Á và Thái Bình Dương. Lợi ích này chủ yếu xuất phát từ nhu cầu cấp thiết nhằm cân bằng ảnh hưởng ngày càng tăng của Trung Quốc tại Đông Nam Á, cũng như mong muốn của Ấn Độ và mở rộng không gian chiến lược của nước này. [\[12\]](#)

Ấn Độ cam kết tăng cường hợp tác bảo đảm an ninh và tự do hàng hải, cũng như sự an toàn của các tuyến giao thông đường biển với tự do thương mại, phù hợp với luật pháp quốc tế, bao gồm cả UNCLOS. [\[13\]](#) Với khía cạnh này, mối quan ngại lớn của Ấn Độ là Biển Đông - khu vực nằm ở cửa ngõ của Ấn Độ, do vậy, đặt ra thách thức nghiêm trọng đối với hòa bình và ổn định của khu vực. Cần có vào mối quan ngại này, Ấn Độ có lợi ích an ninh hợp pháp đối với sự ổn định tại Biển Đông, bởi vì

bột kể số bột nào trong khu vực này đều gây ảnh hưởng tiêu cực tới an ninh quốc gia của Ấn Độ. Lợi ích quan trọng nhất là từ do lưu thông hàng hải qua Biển Đông vẫn đóng vai trò rất quan trọng đối với hoạt động buôn bán và thương mại bằng đường biển, cũng như đối với việc đảm bảo an ninh cho nguồn cung năng lượng từ khu vực Sakhalin của Nga.

[1]

[4]

Lợi ích kinh tế của Ấn Độ ở Biển Đông liên quan tới quyên thăm dò các nguồn dầu khí trong khu vực này của Công ty ONGC Videsh (OVL) - Công ty dầu khí đa quốc gia của Ấn Độ. Do vậy, động thái căng rắn ngày càng tăng của Trung Quốc buộc Ấn Độ phải duy trì quyên lợi và bảo vệ lợi ích của mình tại khu vực này.

[15]

Ảnh giá của Ấn Độ và Biển Đông trong bối cảnh hiện nay

Quyết định của Ấn Độ can thiệp vào môi trường an ninh phức tạp ở Biển Đông, ngay cả khi có nguy cơ kích động nước láng giềng không lợi của mình, cho thấy tầm quan trọng mà New Delhi đặt vào khu vực này cũng như các tuyến đường biển ở đây. Các tranh chấp đang diễn ra tại Biển Đông là một trong những xung đột khu vực lâu dài và phức tạp nhất ở khu vực châu Á-Thái Bình Dương. Các tranh chấp liên quan đến Trung Quốc cùng với một số quốc gia trong khu vực và các vấn đề như tuyên bố chủ quyền lãnh thổ chồng lấn và tiếp cận các nguồn tài nguyên quan trọng như năng lượng và thủy sản. Trong môi trường khó kiểm soát này, Ấn Độ đã và đang mở rộng tầm ảnh hưởng của mình thông qua việc thực hiện *Chính sách hàng hải*

của mình. Trung Quốc, quốc gia có kiểm soát số can thiệp gia tăng của New Delhi vào Biển Đông, đã không đặt tâm điểm điểu này.

Biển Đông nằm trong một khu vực có lợi ích chiến lược lớn với Ấn Độ. Với một địa lý, nơi liên kết Ấn Độ Dương và biển Hoa Đông qua eo biển Malacca, là một trong những tuyến đường biển nhộn nhịp nhất trên thế giới. Đây là huyết mạch kinh tế quan trọng cho quốc gia Nam Á này. Có đến 97% tổng khối lượng thương mại quốc tế của Ấn Độ là đi đường biển, một nửa đi qua eo biển nói trên. Thương mại Ấn Độ-ASEAN hiện chỉ đạt 71 tỷ USD và đang giảm dần sau khi cán mốc 80 tỷ USD vào năm 2011-2012. Ngược lại, kim ngạch thương mại ASEAN-Trung Quốc hiện là 450 tỷ USD. Khối lượng là mức tiêu thương mại 200 tỷ USD vào năm 2020 giữa Ấn Độ và ASEAN sẽ không thể đạt được. Mặc dù hơn 22% tổng FDI nước ngoài của Ấn Độ đổ vào ASEAN và 2.000 công ty Ấn Độ hiện có mặt tại các nước ASEAN, vị trí của Ấn Độ vẫn khá khiêm tốn nếu so sánh với Trung Quốc và Nhật Bản. Năm 2016, Ấn Độ đã đầu tư 1 tỷ USD vào ASEAN so với mức 10 tỷ USD mà Trung Quốc đổ vào khu vực này. Chỉ có Singapore là một nhà đầu tư lớn tại Ấn Độ với mức khoong 30 tỷ USD,

chiếm hơn 98% tổng đầu tư của ASEAN. Mặc dù Việt Nam và ASEAN đã ký một Thỏa thuận về Hàng hóa, Dịch vụ và Đầu tư, nhưng mức tiêu thụ đầu tư vẫn rất khiêm tốn. [\[16\]](#)

Về kinh tế,

Việt Nam có lợi ích về thương mại, năng lượng và khu vực.

Với bờ biển dài 7.500km, chuỗi đảo Andaman và Nicobar trải dài từ điểm cực nam cách Indonesia 90 hải lý và điểm cực bắc cách Myanmar khoảng 10 hải lý là cửa ngõ trên biển về phía đông của Việt Nam. Khoảng 77% giá trị thương mại và hơn 90% khối lượng thương mại của Việt Nam được vận chuyển bằng đường biển, trong đó, 55% được vận chuyển qua eo biển Malacca tới các thị trường ở Châu Á - Thái Bình Dương. Lợi ích về thương mại của Việt Nam ở Biển Đông càng tăng khi Việt Nam và ASEAN đạt mức tiêu chuẩn nâng kim ngạch thương mại song phương lên 100 tỷ USD vào năm 2015-2016. [\[17\]](#)

Năng lượng là một yếu tố khác mà Việt Nam quan tâm ở Biển Đông. Năm 2015, Việt Nam trở thành nước tiêu thụ dầu mỏ lớn thứ ba trên thế giới, với các chuyên gia trong ngành dự đoán mức tiêu thụ năng lượng của nước này sẽ tiếp tục tăng 4,2% mỗi năm, có 80% nhu cầu dầu mỏ của Việt Nam là từ nhập khẩu nên nhu cầu khai thác sẽ cần phải tìm kiếm các nguồn năng lượng mới khi nhu cầu trong nước tăng lên. Tranh chấp dầu khí tiềm năng ở Biển Đông đã thu hút được sự quan tâm của New Delhi. Trong năm 2013, Cơ quan Thông tin Năng lượng Mỹ (EIA) ước tính khu vực này có thể chứa tới 11 tỷ thùng dầu và 19.000 tỷ feet khối khí đốt dự trữ. Nhờ vậy, Việt Nam đã và đang liên tục tham gia các dự án phát triển năng lượng ngoài khơi ở Biển Đông kể từ đầu những năm 1990, đầu tư các lô dầu khí mới và tiến hành thăm dò dầu mỏ trong khu vực này.

Tầm quan trọng kinh tế của khu vực này đã chuyển thành lợi ích an ninh quốc gia đối với New Delhi. Với một nhà thương mại đường biển của mình đi qua eo biển Malacca, bất kể sự bất ổn nào ở Biển Đông sẽ tác động tiêu cực đến các tuyến đường vận chuyển và gây ảnh hưởng đến kinh tế Việt Nam. Nếu có một sự cố minh chứng Việt Nam khai thác thù địch đến kiểm soát khu vực, nó có thể đe dọa việc Việt Nam tiếp tục tuyến đường biển sống còn này. Do đó, sự tham gia của New Delhi vào Biển Đông tập trung vào ba mục tiêu: (i) đảm bảo hòa bình, ổn định trong khu vực, giúp cho các tuyến đường biển luôn rộng mở; (ii) duy trì quan hệ thân thiện với các cường quốc khu vực; (iii) đảm bảo không có cường quốc nào khống chế toàn bộ khu vực này. Thông qua chính sách này, New Delhi đã theo đuổi các mục tiêu này bằng cách tìm kiếm tăng cường can dự với các quốc gia ASEAN. Bên cạnh tăng cường hợp tác kinh tế, hợp tác chiến lược đã được mở rộng qua các cuộc họp triển chung, các khoản tín dụng hào phóng, huấn luyện quân sự và bán vũ khí quân sự cho các nước trong khu vực. Hơn nữa, sự hiện diện minh mẫn các phương tiện, khí tài quân sự của Việt Nam trong khu vực không chỉ để bảo vệ các tuyến đường biển này mà còn thể hiện vai trò cường quốc ở khu vực.

Sơ can dự này đã đi phó với tầm nhìn hàng ngày càng tăng của Trung Quốc trong khu vực. Mọi quan hệ của Ấn Độ và Trung Quốc luôn khó khăn và mong manh. Cả hai bên đều bị lôi kéo vào một cuộc tranh chấp biên giới kéo dài, từng dần dần một cuộc chiến tranh vào năm 1962 và cho đến nay, vẫn là nguồn gốc căng thẳng đôi lúc dần dần những cuộc khủng hoảng. Ấn Độ đã duy trì cảm giác nghi ngờ và không tin tưởng giữa hai nước. Như cuộc đi đầu ở Doklam trong năm 2017 cho thấy cuộc xung đột giữa hai bên vẫn là một vấn đề phức tạp. Do đó, theo quan điểm của New Delhi, không thể để Biên phòng trở thành *ao nhà của Trung Quốc*. Việt Nam cần tận dụng vai trò này để thúc đẩy quan hệ và kéo New Delhi can dự sâu hơn vào Biên phòng, nhất là tham gia vào các dự án năng lượng trong thềm lục địa của Việt Nam. Hiện diện hải quân và bày tỏ quan điểm về Biên phòng cần được tiếp tục những chia sẻ vì hiện diện hải quân liên quan đến vấn đề an ninh và để bộ Trung Quốc phớt lờ, trong khi bày tỏ quan điểm mà ít hành động thì Trung Quốc vẫn cần lớn tiếng. Các dự án kinh tế vừa giúp đem báo thực thi pháp luật, vừa tăng cường sự hiện diện của Ấn Độ trên thềm lục địa. Ngoài ra, đây còn là hành động thực tế giúp báo về quy định chế độ pháp của Việt Nam và thách thức

đường chín đỏ

phi lý của Trung Quốc.

[\[18\]](#)

Quan điểm về những tranh chấp lãnh thổ là vấn đề quan trọng đối với Trung Quốc. Trung Quốc đã nhiều lần miêu tả Biên phòng là một

lợi ích cốt lõi

, sẵn sàng sử dụng vũ lực để bảo vệ các tuyên bố của mình. Do đó, quan điểm của Ấn Độ về vấn đề này là một sự mơ hồ có chủ ý - không thiên về bất kỳ bên nào mà thay vào đó ứng xử theo hàng hải và giới quy tắc hòa bình các tranh chấp theo luật pháp quốc tế, trong đó có UNCLOS. Về phán quyết của Tòa trọng tài liên quan tới tranh chấp ở Biên phòng giữa Philippines và Trung Quốc năm 2016, lập trường của Ấn Độ là không đồng ý về bên nào trong tranh chấp này nhưng kêu gọi tất cả các bên tôn trọng và duy trì phán quyết của tòa án dựa trên UNCLOS.

Tuy nhiên, tình hình gần đây ở Biên phòng khiến New Delhi quan ngại. Trung Quốc, nước tuyên bố chủ quyền đối với 85% khu vực tranh chấp này, đã và đang xây dựng và quân sự hóa các cấu trúc mà nước này chiếm hữu. Từ năm 2013 đến năm 2016, Trung Quốc được cho là đã xây dựng 7 hòn đảo nhân tạo trên các bãi ngầm và dựng các cơ sở quân sự gồm các sân bay, hệ thống radar và các căn cứ tên lửa trên các đảo chiếm hữu được của họ trong khu vực. Hơn nữa, các tàu của Trung Quốc có những hành động hung hăng, quấy rối và đe dọa tàu của các quốc gia khác đi vào gần các đảo mà họ tuyên bố có chủ quyền.

Ngày 12/7/2016, Tòa án Trọng tài Thường trực Liên hợp quốc tại La Hay đã đưa ra

phán quyết và vì kiến mang tính lịch sử giữa Trung Quốc và Philippines liên quan đến Biên phòng. Tòa án Trọng tài quốc tế đưa ra phán quyết có lợi cho Philippines khi bác bỏ các yêu sách của Trung Quốc đối với Biên phòng dựa trên *tổm bản đồ* *đồ ng chín đôn*

, và không đồng ý yêu sách quyền lịch sử của Trung Quốc trong phạm vi đường lồi bờ

không có cơ sở pháp lý

, không phù hợp với Công ước Liên hợp quốc về Luật Biển quốc tế năm 1982 và *không có bằng chứng cho thấy trong lịch sử Trung Quốc đã thực hiện quyền kiểm soát duy nhất đối với vùng biển hoặc các nguồn tài nguyên vùng biển này*, và các hành động của Trung Quốc tại vùng biển này đã

vượt quá giới hạn và nội dung

của UNCLOS.

[\[19\]](#)

Phản ứng trước phán quyết này, Ấn Độ đã ngay lập tức đưa ra một lập trường rõ ràng và không thiên vị đối với bất kỳ bên nào trong vụ kiện trên khi chính thức tuyên bố: *Với tư cách một quốc gia thành viên UNCLOS, Ấn Độ kêu gọi tất cả các bên hết sức tôn trọng UNCLOS, công ước thiếp lập trật tự pháp lý quốc tế tại các vùng biển và đại dương* . Tuyên bố và Phán quyết của Tòa án Trọng tài và

[\[20\]](#) do Bộ Ngoại giao Ấn Độ đưa ra ở

New Delhi ngày 12/7/2016 nêu rõ:

Ấn Độ ghi nhận Phán quyết của Tòa án Trọng tài được nêu trong Phụ lục VII của Công ước Liên hợp quốc về Luật Biển quốc tế năm 1982

. Ngoài ra, Bộ Ngoại giao Ấn Độ cũng nhận mạnh rằng: Ấn Độ ủng hộ tự do hàng hải, hàng không, và không cản trở thông mại, dựa trên các nguyên tắc của luật pháp quốc tế như đã được nêu rõ trong UNCLOS. Ấn Độ tin rằng, các nước nên giải quyết tranh chấp thông qua các biện pháp hòa bình, không đe dọa hoặc sử dụng vũ lực, đồng thời khuyến khích các hoạt động có thể làm phớt lờ hoặc leo thang các tranh chấp, như hàng hải hòa bình và Ấn Độ

[\[21\]](#)

Theo nội dung tuyên bố trên, quan điểm của Ấn Độ đối với phán quyết của Tòa án Trọng tài phù hợp với lập trường chính thức của New Delhi và vấn đề Biên phòng, vấn đề biển số ủng hộ mạnh mẽ của Ấn Độ đối với *tự do hàng hải tại các vùng biển quốc tế* và *đảm bảo tất cả các*

nước trong khu vực tuân thủ công ước quốc tế về luật biển liên quan tới vấn đề này

. Mặc dù, lập trường của Ấn Độ đối với phán quyết này không phản ánh quan điểm của New Delhi đối với Trung Quốc, nhưng việc tuân thủ luật pháp quốc tế là trái ngược với cách hành xử của Bắc Kinh ở Biên phòng. Bởi vì, xét về góc độ luật pháp quốc tế trong giải quyết tranh chấp quy định biển đảo ở Biên phòng, Trung Quốc

thiêu cớ số pháp lý và lịch sử để chứng minh chủ quyền hợp pháp. Trung Quốc đã sử dụng yêu sách đường chín đôn đã bị

Toà trọng tài

bác bỏ, rồi đưa yêu chủ quyền sách tể sa phi lý cũng bị nhiều nước phản đối. Xét về lợi ích chiến lược của VN và theo UNCLOS, Biên phòng là một tuyến đường hàng hải chung, những công trình đang gia tăng trong khu vực gây ra hậu quả tiêu cực đối với VN.

Trong bối cảnh Biên phòng trở thành tâm điểm của sự đối đầu Mỹ -Trung và Tây Thái Bình Dương, vùng biển này bắt đầu liên quan đến các vấn đề chiến lược lớn hơn, chiến lược hải quân của Trung Quốc và sự tăng cường hiện diện của Mỹ tại đây. Theo đó, cách hành xử quyết đoán của Trung Quốc đòi hỏi các bên tranh chấp khác cần có các tính toán chiến lược nghiêm túc. [22] Tuy do hàng hải và Biên phòng đã trở thành mối quan ngại đối với VN. Mặc dù không phải là bên liên quan trực tiếp đến tranh chấp, với tư cách là công quốc ngoài khu vực, vấn đề Biên phòng đã trở thành một yếu tố quan trọng trong những tính toán chiến lược và chiến lược tình hình quốc gia an ninh của VN.

Chuyến biển trong quan hệ Việt Nam và VN

Mặc dù VN là một nước nằm ngoài khu vực Biên phòng, song quan hệ giữa VN và Việt Nam liên quan trực tiếp tại Biên phòng. Năm 1988, Công ty dầu khí nhà nước ONGC của VN đã bắt đầu dự án thăm dò dầu khí tại vùng thềm lục địa của Việt Nam và Biên phòng. Trong thời gian dài, Trung Quốc không đưa ra bất kỳ tuyên bố đáng kể nào liên quan tới dự án liên doanh này. Tuy nhiên, đầu những năm 2000, Trung Quốc đã phân vai trò của VN trong liên doanh này. VN đã phân ứng theo 2 cách: (i) không định quyên của công ty quốc doanh của nước này trong việc thực hiện dự án như một phần lợi ích kinh tế hợp pháp của VN; (ii) bán tàu tuồn chuyên cho Việt Nam nhằm tăng cường năng lực tuồn tra ven biển của Việt Nam. Các tàu chiến của VN nhiều lần cướp công Việt Nam, VN bắt buộc quyên của mình trong việc thực hiện các chuyến thám nhữ vỹ. VN sử dụng hải quân để bắt buộc các công dự án liên doanh trên trong trường hợp bị đe dọa. [23] Nhờ vậy, việc ký với Việt Nam Thỏa thuận khung và hợp tác năm 2003 và hiệp định khai thác Chiến lược ký năm 2007 giúp

viên kim công và Biên phòng

của VN đã bắt đầu được tăng cường và một quân sự, trong bối cảnh Trung Quốc gia tăng sức mạnh và Biên phòng để kiểm soát khu vực.

[24]

Sơ tầng công quan hệ giữa Ấn Độ và Việt Nam được phản ánh trong việc trao đổi các chuyến thăm của các quan chức cấp cao hai nước. Từ ngày 05-06/6/2016, Bộ trưởng Quốc phòng Ấn Độ đã dẫn đầu đoàn đại biểu công nghiệp quốc phòng cấp cao, gồm đại diện các công ty vũ khí lớn nhất của Ấn Độ thăm Việt Nam nhằm tăng cường quan hệ quân sự song phương. Năm 2015, Tổng thống Ấn Độ, Pranab Mukherjee, đã có chuyến thăm lịch sử tới Việt Nam. Chuyến thăm của Bộ trưởng Ấn Độ, Parrikar, diễn ra nhân dịp hai nước kỷ niệm 45 năm thiết lập quan hệ ngoại giao và 10 năm thiết lập quan hệ đại tá chiến lược. [25] Tổng thống, vào tháng 10/2014, Thủ tướng Việt Nam, Nguyễn Tấn Dũng, đã có chuyến thăm cấp nhà nước tới Ấn Độ, được đánh dấu bằng lễ ký Thỏa thuận Hợp tác giữa OVL và PetroVietnam về các dự án thăm dò dầu khí mới tại Việt Nam.

[26]

Điểm này cho thấy quy mô tâm của Ấn Độ và Việt Nam nhằm tăng cường quan hệ hợp quân và thiết lập sự hiện diện hàng hải bên vùng vịnh được duy trì trước đó, với việc tàu hải quân Ấn Độ được phép vào thăm quân cảng Nha Trang và miền Nam Việt Nam theo lợi ích của Việt Nam [27]. Do có nhu cầu quân sự ở Biện phòng, Ấn Độ và Việt Nam đang mở rộng quan hệ bao trùm tất cả các lĩnh vực hợp tác, làm sâu sắc thêm mối quan hệ chiến lược, phù hợp với chính sách Hành động Hàng hải Ấn Độ của Ấn Độ. OVL đã quyết định lên thị trường gia hạn giấy phép thăm dò tại Lô số 128, khu vực mà Trung Quốc cũng đòi chủ quyền, nhằm duy trì lợi ích chiến lược của Ấn Độ tại Biện phòng. Năm 2011, Bộ Kinh đã công bố OVL rằng, các hoạt động thăm dò của công ty này ở biển ngoài khơi Việt Nam là

phi pháp

và

vi phạm chủ quyền Trung Quốc

, song OVL vẫn tiếp tục hoạt động thăm dò dầu khí tại vùng biển này. Việc duy trì chính sách này được coi là nỗ lực của New Delhi trong việc khẳng định sự hiện diện của Ấn Độ tại khu vực mà Trung Quốc thì hiện hành gây hấn

[28]

. Ngoài ra, OVL tiếp tục sở hữu 45% cổ phần tại Lô số 6.1 ở biển ngoài khơi Việt Nam. Kim ngạch thương mại song phương giữa Ấn Độ và Việt Nam đã vượt mức 8 tỷ USD trong tài khóa 2013 - 2014, và trên đà đạt mức tiêu 7 tỷ USD trong năm 2015, hiện 2 nước nhất trí đạt mức tiêu nâng kim ngạch thương mại lên 15 tỷ USD vào năm 2020.

Một trong số các yếu tố chủ chốt nội kết Ấn Độ - Việt Nam liên quan tới vấn đề Biện phòng là quan hệ hợp tác quốc phòng, vốn đóng vai trò là yếu tố quan trọng trong mối quan hệ đại tá chiến lược đang ngày càng được tăng cường. Phát biểu nhân chuyến thăm Ấn Độ năm 2014 của Thủ tướng Việt Nam, Nguyễn Tấn Dũng, Thủ tướng Ấn Độ Modi khẳng định: "Quan hệ hợp tác quốc phòng của chúng tôi với Việt Nam là một trong số các yếu tố quan trọng nhất. Ấn Độ vẫn duy trì cam kết giúp

Việt Nam hiện đại hóa các lực lượng an ninh và quốc phòng."

[\[29\]](#)

Trong chuyến thăm Ấn Độ hội tháng 5/2015 của Bộ trưởng Quốc phòng Việt Nam, Phùng Quang Thanh, hai bên đã ký Tuyên bố Tầm nhìn chung về quan hệ quốc phòng Việt Nam - Ấn Độ giai đoạn 2015-2020 và bản ghi nhớ về hợp tác giữa lực lượng bảo vệ biên hai nước.

Ngoài ra, Ấn Độ gần đây cũng đã cung cấp cho Việt Nam gói tín dụng trị giá 100 triệu USD để mua tàu tuần tra cho Cảnh sát biển Việt Nam. [\[30\]](#) Trong thời gian diễn ra chuyến thăm của Bộ trưởng Quốc phòng Ấn Độ, Parikkar

[\[31\]](#)

, tháng 6/2016, Cảnh sát biển Việt Nam đã ký văn bản đặt mua của Công ty Larsen and Toubro của Ấn Độ một tàu tuần tra cao tốc

[\[32\]](#)

, phục vụ cho việc tuần tra bảo đảm an ninh hàng hải

[\[33\]](#)

và ven biển.

[\[34\]](#)

Với việc tăng cường quan hệ chiến lược trong những chuyến thăm cấp cao của Ấn Độ, đến Việt Nam đóng vai trò quan trọng, và được kỳ vọng sẽ tăng cường hơn nữa mối quan hệ chiến lược giữa hai nước. Trong đó, văn bản quan trọng nhất sẽ là quyết định của Ấn Độ về việc bán tên lửa siêu thanh BrahMos, do liên doanh Ấn - Nga sản xuất, cho Việt Nam, qua đó sẽ đem lại cho Việt Nam lợi thế chiến lược và vượt trội so với Trung Quốc. [\[35\]](#)

Kết luận

Trong bối cảnh diễn ra những thay đổi chiến lược, vai trò chủ động của Ấn Độ ở Biên phòng không phải là một ngoại lệ. Biên phòng liên quan tới lợi ích quốc gia quan trọng của Ấn Độ trong *chính sách hành động hàng phòng*. Khung chính sách này hợp thức hóa những quan ngại ngày càng gia tăng cũng như hành động của Ấn Độ ở Biên phòng trong bối cảnh căng thẳng gia tăng. Theo đó, mối quan hệ chiến lược giữa Ấn Độ và Việt Nam đóng vai trò chủ chốt quan trọng trong chính sách của Ấn Độ về Biên phòng. Quan hệ Ấn Độ - Việt Nam là quan hệ đối tác chiến lược toàn diện góp phần gìn giữ môi trường hòa bình, ổn định ở Biên phòng. Do vậy, Biên phòng là vấn đề bao trùm lên những tình hình chiến lược của Ấn Độ trong quan hệ với Việt Nam. Trong vấn đề Biên phòng, Việt Nam và Ấn Độ đã cao tốc tuân thủ luật pháp quốc tế, trong đó

có UNCLOS, tôn trọng các tiến trình ngoại giao và pháp lý, giải quyết tranh chấp bằng biện pháp hòa bình trên cơ sở luật pháp quốc tế. Các nội dung này được đưa ra bên lề Hội nghị Cấp cao ASEAN lần thứ 31 và các Hội nghị Cấp cao liên quan tại Manila, Philippines. Chính sách nhất quán của Việt Nam luôn coi trọng phát triển quan hệ hữu nghị truyền thống và đối tác chiến lược toàn diện với bạn bè. Ông thời, Việt Nam coi Việt Nam là một trong những trụ cột của

chính sách hàng đầu

. Việt Nam và bạn bè đều thúc đẩy hợp tác quốc phòng, với việc Việt Nam tăng cường chia sẻ công nghệ và cung cấp tín dụng quốc phòng cho Việt Nam. Ông biệt, quan hệ

đối tác chiến lược

trên lĩnh vực

an ninh, quốc phòng

được lãnh đạo hai nước rất coi trọng. Hai bên hiểu khá rõ về tiềm năng, thế lực và nhu cầu về an ninh, quốc phòng của nhau. Đây chính là cơ sở quan trọng để hai bên thúc đẩy hợp tác an ninh, quốc phòng trên cơ sở cùng có lợi. Hai nước cam kết cùng hợp tác và cung cấp quốc phòng, các dự án chung, hợp tác đào tạo và trao đổi thông tin tình báo, nhất trí tăng cường hơn nữa các cuộc tiếp xúc và trao đổi đoàn giữa các tổ chức quốc phòng và an ninh hai nước, hợp tác xây dựng năng lực, hỗ trợ kỹ thuật và chia sẻ thông tin giữa các cơ quan liên quan của hai nước trong việc bảo đảm an ninh đường biển, bao gồm chống cướp biển, ngăn ngừa ô nhiễm, tìm kiếm và cứu hộ, cùng hợp tác song phương trong việc đối phó với khủng hoảng không biên giới cách toàn diện và lâu dài, tăng cường hợp tác bảo đảm an ninh mạng./.

TS. Nguyễn Thanh Minh, Bộ Tư lệnh Cảnh sát biển Việt Nam

Bài viết thuộc bản quyền Nghiên cứu Biên phòng. Ông nghè chỉ được dẫn đường link bài viết, không được lợi khi chia sẻ có sự đồng ý của Ban Biên tập.

[1] Bộ Tư lệnh Hải quân, Cục Chính trị, *Những điểm cần biết về hai quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa và khu vực thềm lục địa phía Nam (DK1)*, Hải Phòng, 2011, tr.11.

[2] David Scott (2015), *Sự gia tăng cân bằng của Ấn Độ ở Biên độ*, Quan hệ quốc tế, ngày 26/7/2015, <http://www.e-ir.info/2015/07/26/indias-incremental-balancing-in-the-south-china-sea/>.

[3] David Scott (2013), "Vai trò của Ấn Độ ở Biên độ: Trò chơi địa chính trị và địa kinh tế", *Ấn Độ Review*, Vol. 12, 2, tr. 51.

[4] David Scott (2013), *Vai trò của Ấn Độ ở Biên độ: Trò chơi địa chính trị và địa kinh tế*, *Ấn Độ Review*, Vol. 12, 2, tr. 51.

[5] Kim Anh, *Ấn Độ với Biên độ: Lợi ích kép và chính sách Hành động phía Đông*, xem tại: <http://vietnamnet.vn/vn/chu-quyen-hoang-sa-truong-sa/an-do-voi-bien-dong-loi-ich-kep-va-chinh-sach-hanh-dong-phia-dong-420539.html>. Truy cập ngày 12/6/2018.

[6] Đã được triển khai thực hiện.

[7] Chẳng hạn, ngay từ những năm 1980, Ấn Độ đã tiến hành các dự án khai thác năng lượng xa bờ ở Biên độ với Việt Nam. Năm 1988, Tập đoàn ONGC Videsh Limited - OVL của nước này đã hợp tác thăm dò dầu khí với Việt Nam và sau đó tham gia 45% quyền lợi và nghĩa vụ thăm dò và khai thác dầu khí tại lô 06/1 cách Vũng Tàu 370 km về phía đông nam bờ biển Việt Nam. Vào đầu những năm 2000, Trung Quốc đã phân định vai trò của Ấn Độ trong liên doanh này. Tuy nhiên, Ấn Độ đã không định quyên góp công ty quốc doanh của nước này trong việc thực hiện dự án nhằm tận dụng lợi ích kinh tế hợp pháp của Ấn Độ.

[8] Indonesia, Malaysia, Myanmar, Brunei, Campuchia, Lào, Việt Nam, Philippines, Singapore và Thái Lan.

[9] Rahul Mishra, "Tác động Đông đến Hành động Phía Đông: Sự hướng Đông của Ấn Độ", *The ASAN Forum*, 1/12/2014,

<http://www.theasianforum.org/from-look-east-to-act-east-transitions-in-indias-eastward-engagement/>

[10] Ashok Sajjanhar, Chính sách Hành động Phía Đông của Ấn Độ và xa hơn nữa”, *Gateway House*, 12/5/2016, <http://www.gatewayhouse.in/indias-act-east-policy-far-beyond/>.

[11] Phạm Hà, Chính sách Hành động Hướng Đông của Ấn Độ qua Shangri-La 2018, xem tại: <https://vov.vn/the-gioi/chinh-sach-hanh-dong-huong-dong-cua-an-do-qua-shangrila-2018-769373.vov>. Truy cập ngày 12/86/2018.

[12] David Brewster, “Chiến lược quốc phòng Ấn Độ và quan hệ Ấn Độ -ASEAN,” *India Review*, Vol. 12, no. 3, 2013, tr. 151.

[13] *Tuyên bố tầm nhìn của Hội nghị Thượng đỉnh Ấn Độ - ASEAN*, Association of Southeast Asian Nations, 21/12/2012.

[14] Dr. SubhashKapila, “Chính sách Hướng Đông, Hành động Phía Đông và Đông Nam Á: Những lý do hiện tại chính trị,” South Asia Analysis Group, Paper No. 5603, 14/11/2013.

[15] Darshana M. Barua, *Hợp tác hai quốc gia Ấn Độ-ASEAN: Một chiến lược quan trọng*, Observer Research Foundation, Analysis, 6/7/2013.

[16] Quan hệ ASEAN-Ấn Độ: Mãi là chiến lược vĩ đại không? Xem tại: <http://nghiencuubiendong.vn/tin-quoc-te-tong-hop/6853-quan-he-an-do-asean>. Truy cập ngày 12/6/2018.

[17] Phạm Duy Thích, *Bối cảnh chuyển biến nhận thức và hành động của Ấn Độ trong vùng*

động Biện động, xem tại: <http://nghiencuubiendong.vn/nguyen-cuu-vietnam/5-216-buoc-chuyen-ve-nhan-thuc-va-hanh-dong-cua-an-do-trong-van-de-bien-dong>
. Truy cập ngày 26/6/2018.

[18] Phạm Duy Thạch, *Bước chuyển về nhận thức và hành động của các quốc gia trong vấn đề Biển Đông*.

[19] Tòa án Trọng tài Thường trực, *PCA trọng tài hợp 2013-19 trọng tài về vấn đề Biển Đông*, 12/7/2016, xem tại: <https://pca-cpa.org/wp-content/uploads/sites/175/2016/07/PH-CN-20160712-Award.pdf>
. Truy cập ngày 1/8/2016.

[20] Bộ Ngoại giao Việt Nam, "Tuyên bố về phán quyết của tòa án trọng tài về Biển Đông Theo Phụ lục VII của UNCLOS", 12/7/2016, <http://www.mea.gov.in/pressreleases.htm?dtl/27019/Statement+on+Award+of+Arbitral+Tribunal+on+South+China+Sea+Under+Annexure+VII+of+UNCLOS>.

[21] Bộ Ngoại giao Việt Nam, "Tuyên bố về phán quyết của tòa án trọng tài về Biển Đông Theo Phụ lục VII của UNCLOS", 12/7/2016.

[22] Leszek Buszynski, *Biện động: Dầu, tuyên bố hàng hải và sự cạnh tranh chiến lược Hoa Kỳ - Trung Quốc*, *The Washington Quarterly*, Vol. 35, 2, 2012, tr. 139-140.

[23] Joseph Chinyong Liow, *Hoa Kỳ và Trung Quốc có thể cùng nhau làm điều gì trên Biển Đông*, Brookings, 10/6/2016.

[24] David Scott, *Sự gia tăng căng thẳng của các quốc gia ở Biển Đông, 2015*.

[25] Rajaram Panda, *Xu hướng đi lên của quan hệ Việt Nam - Trung Quốc sau chuyển*

thậm của Parikka , *The Pioneer*, 19/6/2016.

[26] . Bộ Ngoại giao, *Tuyên bố chung của chuyên tham Thụ tống Việt Nam đến Ấn Độ* -October 27-28, 2014, Government of India, 28/10/2014.

[27] Tạp chí Hài quân Việt Nam thậm của thúc đẩy quan hệ quốc phòng, *Defence Now*.

[28] Ấn Độ - Việt Nam thúc đẩy quan hệ đối tác chiến lược, *The Economic Times*, 17 September 2015.

[29] Bộ Ngoại giao, *Hợp báo về chuyên tham của Thụ tống Việt Nam đến Ấn Độ* (October 28, 2014), Government of India, 28/10 2014.

[30] Bộ Quốc phòng, *Tuyên bố chung về hợp tác quốc phòng Ấn Độ và Việt Nam* , Press Information Bureau, Government of India, 26/5/2015.

[31] Gopal Suri, *Việt Nam và Biện chứng* , Vivekananda International Foundation, 13 June 2016.

[32] . Parrikar *hội đàm với Chủ tịch nước, Thủ tống và Bộ trưởng Bộ Quốc phòng Việt Nam* , *The Indian Express*, 6/6/2016.

[33] . DevirupaMitra, *Modi đến tham Việt Nam, đưa Chính sách Hành động phía Đông đến Biện chứng* , *The Wire*, 31/7/2016.

[34] . David Scott, *Sự gia tăng cân bằng của Ấn Độ ở Biện chứng*, 2015 .

[35] Harsh V. Pant, *Chi phí của n và m trong Việt Nam*, Livemint, 15/6/2016.